

PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÔNG TI NIÊM YẾT TẠI HOA KỲ

BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

PHẠM VĂN QUANG *

Tóm tắt: Gian lận báo cáo tài chính tại nhiều công ty niêm yết ở Việt Nam đang là vấn đề được quan tâm, đặc biệt trong bối cảnh hệ thống kiểm soát nội bộ chưa phát huy tối đa hiệu quả. Việc thiếu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ khiến cho tình trạng gian lận tài chính có thể xảy ra dễ dàng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính minh bạch và ổn định của thị trường tài chính. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển về kiểm soát nội bộ là rất quan trọng. Hoa Kỳ với những quy định chặt chẽ trong Đạo luật Sarbanes-Oxley (SOX), đã xây dựng hệ thống kiểm soát tài chính nghiêm ngặt, mang lại nhiều bài học có thể tham khảo để cải thiện khung pháp lý và hệ thống kiểm soát nội bộ tại Việt Nam, nhằm nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và đảm bảo tính minh bạch trong các hoạt động tài chính.

Từ khoá: Kiểm soát nội bộ; công ty niêm yết; doanh nghiệp; báo cáo tài chính; Hoa Kỳ

Nhận bài: 09/11/2024

Hoàn thành biên tập: 28/8/2025

Duyệt đăng: 28/8/2025

LEGAL REGULATIONS ON INTERNAL CONTROL IN LISTED COMPANIES IN THE UNITED STATES: LESSONS FOR VIETNAM

Abstract: Financial statement fraud is a pressing issue at many listed companies in Vietnam, particularly because of ineffective internal control systems. The lack of strict monitoring and supervision allows financial fraud to occur easily, severely affecting the transparency and stability of the financial market.. Therefore, it is essential to study and learn from the experiences of countries with developed legal systems for internal control. The U.S., with its strict regulations in the Sarbanes-Oxley Act (SOX), has established a rigorous financial control system, providing valuable lessons that Vietnam can reference in improving the legal framework and internal control system in Vietnam, aiming to enhance corporate governance quality and ensure transparency in financial activities.

Keywords: Internal control; listed companies; enterprises; financial statements; the United States

Received: 9 November; Editing completed: 28 August 2025; Accepted for publication: 28 August 2025

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và sự phát triển không ngừng của thị trường tài chính, kiểm soát nội bộ (KSNB) đã trở thành yêu cầu thiết yếu đối với các công ty niêm yết (CTNY) nhằm đảm bảo tính minh bạch,

giảm thiểu rủi ro và bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư. Có thể thấy, báo cáo tài chính (BCTC) là nguồn cung cấp thông tin tài chính của doanh nghiệp và không thể thiếu nhằm kết nối với cơ quan nhà nước, nhà đầu tư và các bên liên quan. BCTC có vai trò quan trọng trong việc một nhà đầu tư có thể đưa ra quyết định đầu tư vào doanh nghiệp hay

* Sinh viên, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
E-mail: pvquanghcmulaw@gmail.com

không. Tuy nhiên, thực tế những năm qua, có rất nhiều doanh nghiệp gian lận khi lập BCTC¹ và một trong những nguyên nhân chính dẫn đến việc các hành vi gian lận tài chính không bị phát hiện là sự thiếu sót trong hệ thống KSNB. Có thể khẳng định rằng một hệ thống KSNB hoạt động hiệu quả có thể bảo đảm tính chính xác và độ tin cậy của các BCTC². Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn chưa có các quy định đủ chặt chẽ và cụ thể về KSNB. Sự thiếu rõ ràng trong phân công trách nhiệm giữa hội đồng quản trị (HĐQT), ban kiểm soát (BKS) và ban giám đốc dẫn đến nhiều bất cập đơn cử như gian lận BCTC³. Hoa Kỳ với vai trò là một trung tâm tài chính hàng đầu thế giới đã phát triển một khung pháp lý toàn diện về KSNB đặc biệt cho các CTNY. Mô hình KSNB tại các CTNY ở Hoa Kỳ là ví dụ điển hình, hàm chứa nhiều bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng khung pháp lý phù hợp cho Việt Nam.

2. Nhận thức chung về kiểm soát nội bộ

Khái niệm “kiểm soát nội bộ” (internal control) xuất hiện trong bối cảnh doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh và phức tạp, đặc biệt trong thế kỉ XX khi nhu cầu bảo vệ tài

sản và đảm bảo tính chính xác trong BCTC gia tăng⁴. Đồng thời, các nhà nghiên cứu và kiểm toán viên dần nhận ra rằng việc chỉ dựa vào kiểm toán độc lập không đủ để đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và tuân thủ các quy định pháp luật⁵. Điều này dẫn đến việc hình thành khái niệm KSNB như một phần của quản lý doanh nghiệp.

Ủy ban các Tổ chức Bảo trợ của Ủy ban Treadway (COSO) là sáng kiến chung của năm tổ chức chuyên nghiệp lớn ở Hoa Kỳ, được thành lập vào năm 1985 với mục tiêu thiết lập các chuẩn mực cho KSNB và quản trị rủi ro, cung cấp các khung lý thuyết giúp các doanh nghiệp xây dựng hệ thống hiệu quả để giảm thiểu gian lận và nâng cao hiệu suất hoạt động⁶.

Năm 1992, COSO đã xây dựng một khuôn khổ toàn diện mang tên “Kiểm soát nội bộ - Khuôn khổ tích hợp” nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực và quy mô trong việc đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống KSNB⁷. Mặc dù COSO không phải

¹ Trần Thị Vân (2021), “Nhận diện gian lận báo cáo tài chính của doanh nghiệp và cách khắc phục”, *Tạp chí Tài chính*, kì 1 tháng 4, tr. 61.

² Leng, J. and Ding, Y (2011), “Internal Control Disclosure and Corporate Governance: Empirical Research from Chinese Listed Companies”, *Technology and Investment*, 2, tr. 286 - 294.

³ Nguyễn Thị Lan Hương (2011), “Về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát trong công ty cổ phần”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội - Luật học*, 27, tr. 246 - 251.

⁴ Jan R. Heier, Michael T. Dugan, and David L. Sayers (2005), “A century of debate for internal controls and their assessment: a study of reactive evolution”, *Accounting History*, Vol. 10, No. 3, tr. 42.

⁵ Chang, Yu-Tzu & Chen, Han-Chung & Cheng, Rainbow & Chi, Wuchun (2020), “Misstatements and Internal Control Over Operations and Compliance”, *Journal of International Accounting Research*, 20(1), tr. 1.

⁶ Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission (COSO), COSO Official Website, <http://coso.org/>, truy cập 30/5/2025.

⁷ Caleb Walter and Jon Sykora (2018), *COSO History, Framework Principles, and The Fault in the Implementation Foundation*, <https://www.trintech.com/blog/coso-history-framework-principles-and-the-fault-in-the-implementation-foundation>, truy cập 30/5/2025.

là cơ quan nhà nước nhưng khuôn khổ KSNB của COSO vẫn được xem là mô hình hướng dẫn thiết yếu mà các doanh nghiệp cần tham chiếu khi thiết lập hệ thống và quy trình hoạt động, đặc biệt trong bối cảnh tuân thủ Đạo luật Sarbanes-Oxley (SOX)⁸. COSO đưa ra các khung chuẩn được sử dụng phổ biến nhằm hỗ trợ tổ chức trong việc xây dựng, thực hiện và đánh giá hệ thống KSNB và quản trị rủi ro, góp phần đảm bảo tuân thủ pháp luật và hạn chế hành vi gian lận⁹. KSNB được COSO 1992 mô tả là “*một quá trình chịu ảnh hưởng bởi ban giám đốc, các nhà quản lý và các thành viên khác trong tổ chức, được thiết kế để cung cấp sự đảm bảo hợp lý liên quan đến việc đạt được các loại mục tiêu sau đây: hiệu quả và hiệu lực của hoạt động; sự tin cậy của BCTC; tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan*”¹⁰. Định nghĩa này nhấn mạnh vai trò của KSNB như một quá trình liên tục và có sự tham gia của mọi thành phần trong tổ chức, đặc biệt là ban giám đốc, các nhà quản lý và đề cập ba mục tiêu cốt lõi. Tuy nhiên, định nghĩa chỉ dừng ở mức mô tả khái quát và không đi sâu vào cách thức thiết kế, triển khai cụ thể. Theo COSO 2013, “*KSNB là một quá trình, được thực hiện bởi ban giám*

đốc, quản lý và các nhân viên khác trong tổ chức, nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc đạt được các mục tiêu liên quan đến hoạt động, báo cáo và tuân thủ”¹¹. Định nghĩa này chỉ ra rằng KSNB là một quá trình liên tục và toàn diện, không chỉ tập trung vào việc đảm bảo tính chính xác của BCTC mà còn bao gồm các mục tiêu khác như hiệu quả hoạt động và tuân thủ các quy định pháp luật. Ngoài ra, KSNB là một bộ phận của quá trình quản lý, được doanh nghiệp thiết lập nhằm thực hiện chức năng quản lý và trở thành công cụ hữu hiệu hỗ trợ các nhà quản trị thông qua hệ thống chính sách, quy trình và biện pháp cụ thể¹².

Tóm lại, KSNB là một quá trình toàn diện được thiết kế, tổ chức và vận hành dưới sự định hướng và tham gia của ban quản trị, ban giám đốc và các cá nhân khác trong tổ chức thực hiện và duy trì, nhằm đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc hoàn thành các mục tiêu như: đảm bảo tính tin cậy của BCTC, nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động cũng như tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan. Quá trình này không chỉ tập trung vào việc phát hiện và xử lý các sai sót mà còn có chức năng phòng ngừa, phát hiện và quản lý rủi ro, nhằm bảo vệ tài sản và tối ưu hoá hoạt động của tổ chức.

3. Khung pháp lý về kiểm soát nội bộ trong công ti niêm yết tại Hoa Kỳ

Hoa Kỳ hiện áp dụng mô hình quản trị

⁸ Robert R. Moeller (2014), *Executive's Guide to COSO Internal Controls: Understanding and Implementing the New Framework*, Wiley, Hoboken, New Jersey, 2014, tr. 1.

⁹ María Teresa Espinosa-Jaramillo (2024), “Internal Control in Companies from the Perspective of the COSO”, *Management (Montevideo)*, 2:28, tr. 2 - 3.

¹⁰ Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission (2012), *Internal Control—Integrated Framework*, <https://www.coso.org/guidance-on-ic>, truy cập 30/5/2025.

¹¹ COSO (2013), *Internal Control - Integrated Framework*, <http://www.coso.org>, truy cập 08/11/2024.

¹² Nguyễn Thị Nga, Lương Lan Hương, Nguyễn Hoàng Long (2022), “Hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp”, *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp*, số 09 (230), tr. 67.

công ti một cấp (one-tier system) trong đó HĐQT (Board of Directors) là cơ quan quản lý cao nhất^{13,14}, đồng thời thực hiện cả chức năng điều hành và giám sát doanh nghiệp. Các ủy ban chuyên trách như ủy ban kiểm toán (Audit Committee), ủy ban quản lý rủi ro hay ủy ban thù lao được tổ chức trong nội bộ HĐQT, nhằm đảm bảo tính độc lập và hiệu quả của hoạt động giám sát. Mô hình này không có BKS như mô hình hai cấp (two-tier system). Mô hình hai cấp phổ biến tại Đức, Hà Lan và một số nước châu Âu lục địa lại thiết kế thành hai cơ quan riêng biệt¹⁵: 1) Hội đồng quản trị (Management Board) gồm các thành viên điều hành trực tiếp công việc kinh doanh hằng ngày; 2) Hội đồng giám sát (Supervisory Board) gồm các thành viên độc lập, không tham gia điều hành, có chức năng giám sát và bổ nhiệm, bãi nhiệm ban quản lý. Sự phân tách này tạo ra cơ chế kiểm soát chặt chẽ hơn giữa quản lý và giám sát. Trong khi đó, mô hình Hoa Kỳ không có BKS độc lập như ở mô hình hai cấp mà thay thế bằng các ủy ban thuộc HĐQT đặc biệt là ủy ban kiểm toán, để bảo đảm tính khách quan trong giám sát nội bộ. Chính vì vậy, các quy định pháp lý liên quan đến KSNB tại

Hoa Kỳ đều thiết kế hệ thống xoay quanh vai trò trọng yếu của HĐQT và ủy ban kiểm toán. Các quy định này nhấn mạnh trách nhiệm trực tiếp của ban lãnh đạo đặc biệt là CEO (Chief Executive Officer) - Tổng giám đốc/Giám đốc điều hành và CFO (Chief Financial Officer) - Giám đốc tài chính nhằm đảm bảo tính chính xác của BCTC và hiệu quả của hệ thống KSNB. Việc hiểu rõ mô hình quản trị công ti tại Hoa Kỳ là cần thiết để có thể phân tích đúng bản chất và hiệu lực của các quy định pháp luật về KSNB, đồng thời rút ra bài học phù hợp cho bối cảnh Việt Nam.

3.1. Tổng quan khung pháp lý

Các quy định và đạo luật chính trong hệ thống KSNB tại Hoa Kỳ tạo thành nền tảng quan trọng để đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả của KSNB trong các CTNY. Đạo luật Giao dịch chứng khoán năm 1934 (Securities Exchange Act of 1934)¹⁶ đã đặt nền tảng về minh bạch tài chính và trách nhiệm giải trình cho các CTNY, yêu cầu công bố thông tin chính xác nhằm bảo vệ nhà đầu tư và duy trì sự ổn định trên thị trường. SOX năm 2002¹⁷ được ban hành nhằm tăng cường và hoàn thiện hơn nữa các quy định này, đặc biệt là về báo cáo hiệu quả của hệ thống KSNB tài chính và trách nhiệm của giám đốc điều hành, kiểm toán viên trong việc ngăn ngừa gian lận. Đồng thời,

¹³ David Block, Anne-Marie Gerstner (2016), “One-Tier vs. Two-Tier Board Structure: A Comparison Between the United States and Germany”, *Comparative Corporate Governance and Financial Regulation*, tr. 6.

¹⁴ Xem thêm tại: §141(a) của Delaware General Corporation Law (DGCL).

¹⁵ Dragana Radenković-Jocić (2006), “The board structure as a significant element of corporate governance”, *Economics and Organization*, Vol. 3, No. 2, tr. 154 - 155.

¹⁶ Xem thêm: Securities Exchange Act of 1934, <https://www.nyse.com/publicdocs/nyse/regulation/nyse/sea34.pdf>, truy cập 01/6/2025.

¹⁷ Xem thêm: Sarbanes-Oxley Act 2002, <http://govinfo.gov/content/pkg/COMPS-1883/pdf/COMPS-1883.pdf>, truy cập 30/5/2025.

Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Hoa Kỳ (Securities and Exchange Commission - SEC) cũng ban hành nhiều quy định yêu cầu công bố thông tin chi tiết về hệ thống KSNB để bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư. Cùng với đó, khung KSNB của COSO cung cấp một cấu trúc toàn diện với năm thành phần chính: 1) môi trường kiểm soát; 2) đánh giá rủi ro; 3) hoạt động kiểm soát; 4) thông tin và truyền thông; 5) giám sát¹⁸. Khung COSO này giúp các công ti xây dựng KSNB linh hoạt, hiệu quả, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn cao về minh bạch tài chính. Tất cả các quy định và chuẩn mực nói trên kết hợp thành khung pháp lý chặt chẽ, góp phần củng cố hệ thống KSNB và tăng cường minh bạch trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

3.2. Yêu cầu về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp niêm yết

Thứ nhất, quy định về KSNB trong doanh nghiệp niêm yết

Một là, SOX được ban hành năm 2002 nhằm củng cố niềm tin của nhà đầu tư vào thị trường chứng khoán (TTCK) trước bối cảnh hàng loạt vụ bê bối tài chính của các doanh nghiệp lớn như Enron, Tyco International, WorldCom, Adelphia và Peregrine Systems¹⁹. SOX đặt ra các yêu cầu bắt buộc cho CTNY về quản trị doanh nghiệp và KSNB. Các quy

định quan trọng bao gồm: Mục 302 và 404, trong đó Mục 302(a)²⁰ của Đạo luật này quy định giám đốc điều hành cấp cao (CEO, CFO) phải xác nhận rằng các BCTC không có sai sót trọng yếu và rằng họ đã đánh giá hiệu quả của hệ thống KSNB. Điều này giúp đảm bảo lãnh đạo doanh nghiệp có trách nhiệm trực tiếp đối với các thông tin tài chính công bố. Bên cạnh đó, Mục 404 của Đạo luật này đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hệ thống KSNB của các CTNY tại Hoa Kỳ. Theo đó, các công ti phải thiết lập và duy trì hệ thống KSNB liên quan đến quy trình lập BCTC, đồng thời thực hiện đánh giá và công khai kết quả đánh giá định kì. Quy định này đảm bảo tính minh bạch, giúp nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tính chính xác và hiệu quả của các biện pháp KSNB mà công ti áp dụng nhằm giảm thiểu các sai phạm tài chính. Ngoài ra, quy định rõ ràng trách nhiệm của ban quản trị và giám đốc điều hành trong việc duy trì và kiểm tra hệ thống KSNB (Mục 404(a)(1) SOX). Các giám đốc điều hành phải xác nhận công khai rằng hệ thống này hoạt động hiệu quả và có khả năng phát hiện kịp thời các sai lệch. Việc bắt buộc giám đốc điều hành phải chịu trách nhiệm về hệ thống KSNB và BCTC của công ti đã tạo ra cơ chế ràng buộc chặt chẽ, buộc họ phải tuân thủ và tăng cường

¹⁸ Bùi Quang Hùng, Phạm Quang Huy (2023), “Bàn luận về thang đo tính hữu hiệu hệ thống kiểm soát nội bộ theo 17 nguyên tắc COSO 2013 trong doanh nghiệp lĩnh vực nhà hàng khách sạn”, *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, Số 5, tr. 24.

¹⁹ AuditBoard (2024), The Sarbanes-Oxley Act: A Comprehensive Overview, <https://auditboard.com/blog/sarbanes-oxley-act>, truy cập 30/5/2025.

²⁰ Mục 302(a) Sarbanes-Oxley Act of 2002 (SOX): “*giám đốc điều hành chính hoặc các giám đốc điều hành chính và giám đốc tài chính chính hoặc các giám đốc điều hành, hoặc những người thực hiện các chức năng tương tự, chứng nhận trong mỗi báo cáo thường niên hoặc quý được nộp hoặc trình lên theo bất kì mục nào của Đạo luật*”.

trách nhiệm quản trị tài chính của mình. Khi tuân thủ điều khoản này, các công ti sẽ phải thiết lập quy trình kiểm soát và phê duyệt rõ ràng ở từng bước trong quy trình lập BCTC. Điều này đảm bảo rằng mọi số liệu trong BCTC đều được kiểm tra và giám sát chặt chẽ, qua đó bảo vệ quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan. Đồng thời, khuyến khích áp dụng các chuẩn mực quốc tế như COSO, một khung quản trị phổ biến về KSNB nhằm đảm bảo tính bền vững và độ tin cậy của hệ thống kiểm soát. Tóm lại, các CTNY trên TTCK phải thiết lập và duy trì hệ thống KSNB, đặc biệt là trong lĩnh vực kiểm soát tài chính để tuân thủ các yêu cầu pháp lý. Đạo luật này yêu cầu các CTNY phải đánh giá và công nhận hiệu quả của hệ thống KSNB tài chính, đồng thời công khai kết quả đánh giá trong BCTC hằng năm. Giám đốc điều hành và giám đốc tài chính phải xác nhận tính chính xác của BCTC và hiệu quả của hệ thống KSNB. Bên cạnh đó, công ti cũng phải thuê kiểm toán viên độc lập để kiểm tra và xác nhận tính hiệu quả của hệ thống KSNB tài chính, đồng thời thực hiện các biện pháp khắc phục nếu có vấn đề.

Hai là, Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Hoa Kỳ trên cơ sở thực thi SOX năm 2002, đặc biệt là Mục 302 và Mục 404, đã ban hành các quy định buộc các CTNY phải thiết lập và duy trì hệ thống KSNB hiệu quả nhằm bảo đảm tính minh bạch của BCTC. Theo đó, công ti phải công khai đánh giá về hiệu quả KSNB trong báo cáo thường niên, đồng thời CEO và CFO phải có trách nhiệm trực tiếp xác nhận và chịu

trách nhiệm pháp lý về tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống này.

Ba là, Mục 13(a) của Đạo luật Giao dịch chứng khoán yêu cầu các công ti chứng khoán đại chúng cùng với các công ti có quy mô nhất định²¹ thực hiện các nghĩa vụ báo cáo định kì. Cụ thể, các công ti được gọi là “công ti báo cáo” phải nộp báo cáo thường niên và báo cáo hàng quý đồng thời phải công bố kịp thời các sự kiện quan trọng có ảnh hưởng đến hoạt động của công ti. Tức là yêu cầu các CTNY phải công khai các BCTC định kì, đảm bảo rằng các thông tin tài chính được cung cấp là chính xác, đầy đủ... Các báo cáo định kì này cung cấp hoặc tham chiếu đến những thông tin quan trọng giúp nhà đầu tư đánh giá xem cổ phiếu của công ti có phải là một cơ hội đầu tư đáng giá hay không. Nội dung báo cáo bao gồm thông tin về các thành viên ban lãnh đạo và giám đốc công ti, lĩnh vực hoạt động, BCTC đã được kiểm toán cùng với phần phân tích và thảo luận của ban quản lí. Bên cạnh đó, Mục 15(d) Đạo luật Giao dịch chứng khoán quy định rằng các CTNY công khai phải tuân thủ các yêu cầu về BCTC, đặc biệt là đối với các công ti có chứng khoán niêm yết công khai. Phần này yêu cầu các công ti báo cáo không chỉ về tình hình tài chính của họ mà còn về các thông tin có liên quan đến việc duy trì và

²¹ Tiêu đề V của Đạo luật Jumpstart Our Business Startups Act (JOBS Act) năm 2012 sửa đổi khoản 12(g)(1)(A) của Đạo luật Giao dịch chứng khoán năm 1934 quy định: các công ti chưa niêm yết nhưng có tổng tài sản từ 10 triệu USD trở lên và số lượng cổ đông đạt ngưỡng luật định phải thực hiện đăng kí và báo cáo với Ủy ban Chứng khoán và Sàn giao dịch Hoa Kỳ.

giám sát hệ thống KSNB. Mục 15(d) của Đạo luật này tạo điều kiện cho việc theo dõi và kiểm tra liên tục các hoạt động tài chính của công ti, giúp đảm bảo rằng công ti duy trì các tiêu chuẩn KSNB cần thiết để bảo vệ lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư. Cả hai phần này đều nằm trong khuôn khổ của mục tiêu lớn hơn là tăng cường sự minh bạch và trách nhiệm trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt là đối với các CTNY. Các yêu cầu này cũng phản ánh cam kết của cơ quan quản lý đối với việc giảm thiểu rủi ro tài chính, gian lận và sai sót trong BCTC, bởi lẽ, nguyên nhân lớn nhất dẫn đến gian lận BCTC là sự yếu kém của hoạt động KSNB và tính thiếu minh bạch của hệ thống này²².

Thứ hai, vai trò của HĐQT và ủy ban kiểm toán trong KSNB

Đối với HĐQT: Mặc dù toàn bộ HĐQT chịu trách nhiệm chung về hoạt động quản trị và định hướng chiến lược của doanh nghiệp nhưng chức năng giám sát hệ thống KSNB chủ yếu do các thành viên không điều hành (non-executive directors) đặc biệt là các thành viên độc lập (independent directors) đảm nhận thông qua ủy ban kiểm toán (bao gồm các thành viên độc lập có chuyên môn về tài chính) theo một cơ chế bắt buộc của SOX. SOX quy định bắt buộc các CTNY tại Hoa Kỳ phải thành lập ủy ban kiểm toán độc lập trực thuộc HĐQT và ủy ban này phải bao gồm các thành viên độc lập, có chuyên môn về tài chính, để giám sát hệ thống KSNB.

Đối với ủy ban kiểm toán: *Một là*, ủy ban này có nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá và giám sát tính hiệu quả của hệ thống KSNB cũng như phối hợp với kiểm toán viên nội bộ và độc lập để đảm bảo tính chính xác, trung thực, minh bạch và đầy đủ của BCTC. Ủy ban yêu cầu các kiểm toán viên độc lập tiến hành các cuộc kiểm tra định kỳ để xác minh tính chính xác và đầy đủ của BCTC. Qua đó, ủy ban kiểm toán đánh giá không chỉ tính hiệu quả của các biện pháp kiểm soát tài chính mà còn đưa ra các khuyến nghị cải thiện để tối ưu hoá hệ thống KSNB. Trong khi đó, các giám đốc điều hành như CEO/CFO có nghĩa vụ thiết lập, vận hành và duy trì hệ thống KSNB nhằm đảm bảo rằng hệ thống hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, các giám đốc điều hành không thể tự giám sát hoặc đánh giá khách quan hệ thống do chính họ điều hành. Việc tách biệt rõ ràng giữa chức năng giám sát và điều hành là nguyên tắc cốt lõi giúp bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu lực của hệ thống KSNB trong mô hình quản trị công ti tại Hoa Kỳ. *Hai là*, ủy ban kiểm toán với vai trò đảm bảo công ti thực hiện đầy đủ các yêu cầu pháp lý về KSNB nhất là những quy định trong SOX, các chuẩn mực kế toán quốc gia như Nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (Generally Accepted Accounting Principles - GAAP)²³ và tuân thủ giám sát của Ủy ban Giám sát Kế toán Công ti Đại chúng (Public Company Accounting Oversight Board -

²² Nguyễn Hữu Tuấn (2014), “Công bố thông tin kiểm soát nội bộ của các công ti niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, Số 4(77), tr. 132.

²³ Xem tại: Generally Accepted Accounting Principles (GAAP): https://www.ojp.gov/sites/g/files/xyckuh241/files/media/document/GAAP_Guide_Sheet_50_8.pdf, truy cập 30/5/2025.

PCAOB)²⁴. Ba là, uỷ ban kiểm toán đóng vai trò là nguồn hỗ trợ tư vấn độc lập cho HĐQT trong việc đánh giá và cải thiện hiệu quả của hệ thống KSNB. Họ đưa ra các đánh giá và khuyến nghị dựa trên các kết quả kiểm toán để giúp HĐQT nhận diện các yếu tố rủi ro và vấn đề cần giải quyết.

3.3. Chế tài và nghĩa vụ pháp lý đối với hành vi vi phạm

Thứ nhất, chế tài đối với hành vi vi phạm hoạt động KSNB. SOX năm 2002 quy định nghĩa vụ nghiêm ngặt đối với các CTNY tại Hoa Kỳ. Mục 302 Đạo luật này yêu cầu giám đốc điều hành và giám đốc tài chính xác nhận tính chính xác của BCTC và đảm bảo hiệu quả của hệ thống KSNB, với trách nhiệm cá nhân và chế tài nếu có sai sót hoặc gian lận. Mục 404 yêu cầu kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống KSNB, buộc các công ti phải báo cáo về việc duy trì hệ thống này trong BCTC hằng năm, vi phạm điều này có thể dẫn đến phạt tiền và các hình phạt nghiêm khắc. Mục 802 cấm hành vi phá hủy, thay đổi hoặc làm giả hồ sơ trong các cuộc điều tra và phá sản của Liên bang quy định: “*Bất kì ai cố ý thay đổi, phá hủy, cắt xén, che giấu, che đậy, làm sai lệch hoặc nhập sai bất kì hồ sơ, tài liệu hoặc vật thể hữu hình nào với mục đích cản trở, gây trở ngại hoặc ảnh hưởng đến việc điều tra hoặc quản lí hợp lệ bất kì vấn đề nào thuộc thẩm quyền của bất kì bộ phận hoặc cơ quan nào của Hoa Kỳ hoặc bất kì trường hợp nào được đề*

trình theo tiêu đề 11, hoặc liên quan đến hoặc dự kiến bất kì vấn đề hoặc trường hợp nào như vậy, sẽ bị phạt tiền theo tiêu đề này, bị phạt tù không quá 20 năm hoặc cả hai” với hình phạt có thể lên đến 20 năm tù và/hoặc phạt tiền 5 triệu USD. Bên cạnh đó, hành vi hủy bỏ hồ sơ kiểm toán của công ti được quy định: “*Bất kì ai cố ý và cố tình vi phạm khoản (a)(1), hoặc bất kì quy tắc hoặc quy định nào do Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch ban hành theo khoản (a)(2), sẽ bị phạt theo tiêu đề này, bị phạt tù không quá 10 năm, hoặc cả hai”*²⁵. Cuối cùng, Mục 906 Đạo luật này yêu cầu các giám đốc xác nhận tính chính xác của BCTC, nếu chứng nhận sai, người vi phạm có thể bị phạt tối đa 1 triệu USD hoặc bị phạt tù tối đa 10 năm. Nếu cố ý vi phạm, mức phạt có thể lên đến 5 triệu USD và phạt tù lên tới 20 năm²⁶. Ngoài ra, Đạo luật Giao dịch chứng khoán năm 1934 quy định tại Mục 13(b)(2), các CTNY phải duy trì một hệ thống KSNB hiệu quả để đảm bảo rằng các BCTC là chính xác và đầy đủ. Vi phạm yêu cầu này có thể dẫn đến các chế tài bao gồm phạt tiền hoặc thậm chí đình chỉ niêm yết chứng khoán của công ti trên sàn giao dịch. Bên cạnh đó, PCAOB giám sát hoạt động của các công ti kiểm toán và yêu cầu tuân thủ các chuẩn mực kiểm toán và KSNB. Nếu công ti kiểm toán không tuân thủ các chuẩn mực này, họ có thể phải đối mặt với các chế tài tài chính

²⁴ Xem tại: Public Company Accounting Oversight Board, https://pcaobus.org/Rules/Documents/Section_3.pdf, truy cập 30/5/2025.

²⁵ Xem thêm tại: Mục 1520 Sarbanes-Oxley Act of 2002 (SOX).

²⁶ Xem thêm tại: Mục 1350 Sarbanes-Oxley Act of 2002 (SOX).

hoặc bị đình chỉ hoạt động, nhằm đảm bảo tính độc lập và minh bạch trong quá trình kiểm toán các CTNY.

Thứ hai, nghĩa vụ pháp lý đối với hành vi vi phạm hoạt động KSNB: *Một là*, trách nhiệm của giám đốc điều hành và giám đốc tài chính phải xác nhận tính chính xác và tính đầy đủ của BCTC. Điều này bao gồm việc đảm bảo rằng hệ thống KSNB đang hoạt động hiệu quả. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến hậu quả pháp lý nghiêm trọng, bao gồm hình phạt tù và phạt tiền. Nếu các lãnh đạo công ti chứng nhận sai hoặc cố ý làm sai lệch BCTC, họ sẽ chịu trách nhiệm hình sự. *Hai là*, kiểm tra và đánh giá hệ thống KSNB tại Mục 404 SOX yêu cầu các công ti phải kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống KSNB hàng năm. Công ti cần chứng minh rằng các quy trình kiểm soát tài chính là đủ mạnh và hiệu quả trong việc ngăn ngừa gian lận và sai sót trong BCTC. Nếu công ti không tuân thủ quy định này sẽ bị phạt tiền và có thể phải đối mặt với các hình phạt khác, bao gồm các vụ kiện tụng hoặc yêu cầu điều chỉnh chiến lược quản trị. *Ba là*, xử lý hành vi vi phạm: Việc vi phạm các quy định về KSNB có thể dẫn đến các biện pháp chế tài như đã phân tích trên.

4. Thực tiễn và định hướng hoàn thiện khung pháp lý về kiểm soát nội bộ tại Việt Nam

4.1. Đánh giá thực trạng khung pháp lý về kiểm soát nội bộ tại Việt Nam

Trong khuôn khổ quản trị công ti hiện đại, KSNB không thể được xem xét như một cơ chế độc lập mà phải được đặt trong bối cảnh tổng thể của mô hình quản trị

doanh nghiệp. Mô hình quản trị một cấp hoặc hai cấp sẽ tạo ra những yêu cầu và đặc điểm riêng biệt đối với cơ chế KSNB. Đơn cử như Hoa Kỳ, Anh là những quốc gia tiêu biểu áp dụng mô hình một cấp²⁷, trong khi đó tại Việt Nam tồn tại cả hai mô hình một cấp và hai cấp²⁸. Trong đó, mô hình hai cấp với sự phân chia giữa HĐQT và BKS đòi hỏi phải xác định rõ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của từng chủ thể trong hệ thống KSNB.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng, việc xây dựng khung pháp lý vững chắc về KSNB trở nên cấp thiết góp phần nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Mặc dù đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh nhưng hệ thống pháp lý về KSNB vẫn còn nhiều điểm bất cập.

Thứ nhất, khung pháp lý về KSNB hiện nay vẫn còn chưa toàn diện và thiếu sự đồng bộ. Về tính toàn diện, các quy định liên quan đến KSNB mới chỉ xuất hiện rải rác trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC và một số văn bản dưới luật khác chủ yếu dưới dạng những nguyên tắc khái quát về quản trị công ti, chưa hình thành một cơ chế pháp lý độc lập

²⁷ Trương Quang Anh (2019), “Quy chế pháp lý quản trị công ti cổ phần tại Vương quốc Anh, Cộng hòa Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 2, tr. 4.

²⁸ Thùy Vân (2024), *Quản trị công ti cổ phần: Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam*, <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/quan-tri-cong-ty-co-phan-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-doi-voi-viet-nam-d52277.html>, truy cập 28/8/2025.

và đầy đủ cho KSNB. Đồng thời, Việt Nam chưa ban hành một bộ chuẩn mực quốc gia về KSNB dành riêng cho CTNY như khung COSO hay quy định chi tiết trong SOX của Hoa Kỳ khiến doanh nghiệp thiếu cơ sở pháp lý thống nhất để thiết kế và vận hành hệ thống KSNB. Đặc biệt, pháp luật hiện hành cũng chưa phân hóa yêu cầu về KSNB theo hai mô hình quản trị đang tồn tại song song tại Việt Nam (một cấp và hai cấp) dẫn đến tình trạng áp dụng một khung kiểm soát chung cho tất cả doanh nghiệp làm giảm hiệu quả thực thi. Về tính đồng bộ, hệ thống quy định hiện hành còn phân tán, thiếu sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật. Chẳng hạn, Luật Kế toán năm 2015 đưa ra khái niệm KSNB thiên về nghiệp vụ kế toán trong khi Chuẩn mực kiểm toán số 315 (VSA 315) (ban hành kèm theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012 của Bộ Tài chính) lại tiếp cận theo hướng quản trị toàn diện, gây khó khăn cho việc áp dụng thống nhất²⁹. Bên cạnh đó, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý như Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán chưa rõ ràng.

²⁹ Luật Kế toán năm 2015 định nghĩa KSNB tại khoản 1 Điều 39 là “việc thiết lập và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị kế toán các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra”. VSA315 xác định KSNB là “quy trình do ban quản trị, ban giám đốc và các cá nhân khác trong đơn vị thiết kế, thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của đơn vị trong việc đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan”.

Thứ hai, pháp luật chưa có sự phân hóa cơ chế KSNB theo mô hình quản trị công ti. Tại Việt Nam hiện tồn tại song song hai mô hình quản trị công ti: mô hình một cấp (HĐQT và ủy ban kiểm toán trực thuộc) và mô hình hai cấp (HĐQT và BKS độc lập). Tuy nhiên, khung pháp lý hiện hành không phân biệt rõ ràng yêu cầu về KSNB tương ứng với từng mô hình. Điều này dẫn đến tình trạng “một khung kiểm soát dùng chung” gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc thực hiện đúng vai trò, chức năng của BKS hay ủy ban kiểm toán, đồng thời làm suy yếu hiệu quả KSNB do không phù hợp với cấu trúc tổ chức thực tế. Điều này dẫn đến hệ quả là nhiều công ti lúng túng trong triển khai KSNB như không biết phải tổ chức ra sao để tuân thủ vừa đúng mô hình vừa đảm bảo hiệu quả quản trị rủi ro.

Thứ ba, khung pháp lý về KSNB hiện nay còn thiếu cơ chế giám sát và chế tài đủ mạnh để bảo đảm hiệu lực thực thi. Đối với các tổ chức tín dụng quy định KSNB chi tiết và nghiêm ngặt. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 yêu cầu các tổ chức tín dụng thiết lập hệ thống KSNB để đảm bảo an toàn hoạt động, quản lý rủi ro tài chính và tuân thủ các yêu cầu pháp lý. Đây được xem là mô hình KSNB tương đối hoàn thiện tại Việt Nam nhưng chỉ áp dụng cho lĩnh vực tài chính và ngân hàng, trong khi nhiều doanh nghiệp niêm yết khác vẫn chưa chịu sự ràng buộc chặt chẽ tương tự. Tại các CTNY ở Việt Nam, cơ chế giám sát và xử lý vi phạm trong hoạt động KSNB vẫn còn nhiều hạn chế rõ rệt. Mặc dù pháp luật đã quy định về nghĩa vụ công bố thông tin liên

quan đến hệ thống KSNB, uỷ ban kiểm toán và BKS song việc thực thi các quy định này phần lớn mang tính hình thức, thiếu cơ chế kiểm tra, thanh tra độc lập và biện pháp xử lý nghiêm khắc. Việc thiếu một cơ chế “hậu kiểm” và chế tài đủ mạnh khiến các hành vi vi phạm không được phát hiện sớm hoặc không bị xử lý nghiêm từ đó tạo điều kiện cho sai phạm tài chính lan rộng và gây thiệt hại nghiêm trọng cho nhà đầu tư cũng như uy tín của TTCK. Do đó, có thể thấy rõ rằng khung pháp lý về KSNB trong các CTNY hiện nay chưa đủ sức răn đe và chưa góp phần bảo đảm sự minh bạch, an toàn trong hoạt động quản trị công ti đại chúng tại Việt Nam.

Thứ tư, hiện nay Việt Nam thiếu các chuẩn mực KSNB mang tính chất bắt buộc hoặc hướng dẫn kỹ thuật cụ thể như Hoa Kỳ. Khác với Hoa Kỳ có các chuẩn mực COSO và quy định chi tiết tại SOX thì Việt Nam hiện nay chưa có bộ chuẩn mực quốc gia nào về KSNB dành riêng cho doanh nghiệp. Điều này khiến các công ti khó khăn trong việc thiết kế hệ thống KSNB phù hợp với đặc điểm ngành nghề, mô hình hoạt động và yêu cầu pháp lý. Hầu hết các công ti nếu có thiết lập KSNB cũng chỉ làm theo mẫu hoặc tài liệu tham khảo quốc tế nhưng thiếu tính nội địa hóa và chưa phù hợp với năng lực quản trị doanh nghiệp trong nước.

Nhìn chung, để đảm bảo sự phát triển bền vững của TTCK và tạo điều kiện cho môi trường đầu tư an toàn, khung pháp lý cần hoàn thiện hơn nữa với các quy định rõ ràng, cụ thể và chế tài nghiêm khắc đối với hệ thống KSNB tại các CTNY.

4.2. Kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả áp dụng kiểm soát nội bộ tại Việt Nam

Thứ nhất, cần bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành nhằm điều chỉnh toàn diện về hệ thống KSNB. Hiện nay, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán mới chỉ dừng lại ở việc đặt ra một số nguyên tắc chung về quản trị công ti, trong đó KSNB chưa được quy định như một nội dung độc lập và đầy đủ. Vì vậy, thay vì ban hành một luật riêng về KSNB vốn khó khả thi trong bối cảnh lập pháp hiện nay thì giải pháp phù hợp hơn là bổ sung một chương riêng hoặc một mục chuyên biệt trong Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán để quy định rõ ràng về mục tiêu, cấu trúc, cũng như trách nhiệm của các chủ thể quản lý (HĐQT, BKS và uỷ ban kiểm toán nếu có). Đồng thời, các quy định này cần được cụ thể hóa bằng nghị định hướng dẫn và có thể được chi tiết hóa trong một thông tư chuyên biệt về KSNB đối với CTNY. Cách tiếp cận theo nhiều tầng nấc như vậy vừa bảo đảm tính khả thi, vừa tạo hành lang pháp lý minh bạch và đồng bộ, giúp doanh nghiệp chủ động thiết lập hệ thống KSNB phù hợp với thực tiễn hoạt động. Kinh nghiệm từ Hoa Kỳ cho thấy mặc dù hệ thống pháp luật về KSNB được quy định chặt chẽ trong SOX và khung COSO song yếu tố quyết định vẫn là việc thiết kế cơ chế pháp lý phù hợp với mô hình quản trị công ti và điều kiện kinh tế - xã hội của từng quốc gia. Do đó, Việt Nam cần tham chiếu kinh nghiệm này nhưng có sự điều chỉnh để bảo đảm khả năng thực thi trong thực tiễn.

Thứ hai, cần hoàn thiện và phân hóa quy định pháp lý về KSNB theo từng mô hình quản trị doanh nghiệp hiện nay.

Đối với mô hình một cấp, quy định công ti đại chúng thiết lập theo cơ chế mô hình một cấp bắt buộc phải thành lập ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT (điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020). Tuy nhiên, để tăng cường hiệu lực giám sát và quản trị rủi ro, có thể xem xét bổ sung yêu cầu thành lập Ủy ban Kiểm soát rủi ro độc lập bao gồm các cổ đông và thành viên HĐQT không điều hành nhằm hỗ trợ phát hiện sớm và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Trong bối cảnh TTCK Việt Nam đang hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán³⁰, việc cải thiện chất lượng quản trị công ti đặc biệt là năng lực quản trị rủi ro và KSNB theo các chuẩn mực quốc tế như Bộ Nguyên tắc Quản trị công ti OECD/G20 về quản trị doanh nghiệp³¹ hoặc mô hình COSO về KSNB là cấp thiết. Tại nhiều quốc gia có thị trường phát triển thì ủy ban kiểm soát rủi ro (Risk Committee) là một thiết chế độc lập hoặc được tích hợp với ủy ban kiểm toán nhằm hỗ trợ HĐQT trong việc giám sát rủi ro chiến

lược, vận hành, tuân thủ và rủi ro hệ thống. Luật Doanh nghiệp năm 2020 hiện chưa bắt buộc thành lập ủy ban kiểm soát rủi ro nhưng cũng không có quy định cấm, tạo dư địa pháp lý phù hợp để đề xuất hoàn thiện. Hơn nữa, hiện nay tại lĩnh vực ngân hàng thương mại đã bắt buộc phải thiết lập ủy ban rủi ro (khoản Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) thì việc mở rộng quy định này sang các CTNY là hoàn toàn hợp lý. Do đó, kiến nghị bổ sung quy định bắt buộc công ti đại chúng theo mô hình một cấp phải thành lập ủy ban kiểm soát rủi ro, với sự tham gia của thành viên HĐQT độc lập và có thể có đại diện cổ đông lớn hoặc chuyên gia bên ngoài nhằm tăng tính khách quan và chuyên sâu. Việc thể chế hóa đề xuất này sẽ là bước đi quan trọng góp phần nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, bảo vệ cổ đông và củng cố niềm tin của nhà đầu tư, hướng đến sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam.

Đối với mô hình hai cấp, cần làm rõ vai trò và trách nhiệm của BKS trong hệ thống KSNB. Hiện nay pháp luật chủ yếu mới quy định chức năng giám sát tài chính một cách khái quát nhưng chưa xác lập cụ thể quyền và nghĩa vụ của BKS trong việc đánh giá, kiểm tra hiệu quả tính vận hành của hệ thống KSNB đặc biệt trong bối cảnh doanh nghiệp niêm yết với quy mô lớn và cấu trúc phức tạp. Do đó, cần bổ sung quy định yêu cầu BKS xây dựng chương trình kiểm tra KSNB định kỳ hàng năm và có quyền tiếp cận báo cáo từ bộ phận kiểm toán nội bộ, đồng thời, có trách nhiệm báo cáo trực tiếp trước đại hội đồng cổ đông về tính hiệu lực và tuân thủ của hệ thống KSNB. Ngoài ra, có thể xem xét

³⁰ Anh Minh (2025), *Nâng hạng thị trường chứng khoán: Hành trình xây dựng niềm tin*, <https://baochinhpvu.vn/nang-hang-thi-truong-chung-khoan-hanh-trinh-xay-dung-niem-tin-102250717185842953.htm>, truy cập 24/8/2025.

³¹ Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ti G20/OECD 2023: *“Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ti G20/OECD cung cấp hướng dẫn để giúp các nhà hoạch định chính sách đánh giá và cải thiện khuôn khổ pháp lý, quy định và thể chế về quản trị công ti nhằm hỗ trợ cải thiện niềm tin và sự minh bạch của thị trường, hiệu quả kinh tế, tăng trưởng bền vững và ổn định tài chính”*.

bổ sung uỷ ban kiểm toán thuộc HĐQT ngay cả trong mô hình hai cấp nhằm bảo đảm tính độc lập, minh bạch và chuyên nghiệp trong hoạt động kiểm soát. Tuy nhiên, cần đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa BKS và uỷ ban kiểm toán để tránh chồng chéo hoặc xung đột chức năng, đảm bảo sự phối hợp hiệu quả trong cơ chế giám sát nội bộ.

Thứ ba, quy định trách nhiệm cá nhân đối với hành vi vi phạm. SOX quy định khá nghiêm khắc về trách nhiệm cá nhân đối với giám đốc điều hành và giám đốc tài chính trong việc đảm bảo tính chính xác của BCTC và hiệu quả của hệ thống KSNB. Cụ thể, các giám đốc này phải chịu trách nhiệm pháp lý nếu BCTC có sai sót hoặc có dấu hiệu gian lận và có thể bị áp dụng các chế tài nghiêm khắc như phạt tiền hoặc thậm chí là phạt tù. Đây là biện pháp mạnh mẽ nhằm đảm bảo rằng các doanh nghiệp tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về BCTC và hệ thống KSNB. Việc cá nhân hoá trách nhiệm và áp dụng chế tài nghiêm khắc sẽ tạo ra một môi trường không khoan nhượng đối với các hành vi vi phạm và mang tính răn đe cao. Từ đó giúp xây dựng hệ thống tài chính công khai, minh bạch và đáng tin cậy. Ở Việt Nam, hiện nay quy định về trách nhiệm pháp lý đối với các vi phạm trong hệ thống KSNB vẫn còn chưa đủ chặt chẽ và thiếu chế tài nghiêm khắc. Điều này dẫn đến việc nhiều công ti chỉ thực hiện các yêu cầu này một cách đối phó chưa thực sự chú trọng đến việc xây dựng một hệ thống KSNB chặt chẽ và hiệu quả, dẫn đến tình trạng thiếu minh bạch trong hoạt động tài chính và các nguy cơ tiềm ẩn về gian lận.

Thứ tư, quy định chế tài nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm. Việc áp dụng các quy định nghiêm ngặt về trách nhiệm cá nhân và chế tài đối với hành vi vi phạm trong hệ thống KSNB là bài học quan trọng mà Việt Nam có thể học hỏi từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ. SOX yêu cầu giám đốc điều hành và giám đốc tài chính phải chịu trách nhiệm cá nhân về tính chính xác của BCTC và hiệu quả của hệ thống KSNB, đồng thời nếu có sai sót hoặc gian lận, họ sẽ phải chịu các chế tài nghiêm khắc, bao gồm phạt tiền và thậm chí phạt tù. Đây là biện pháp mạnh mẽ nhằm đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, giúp tăng cường niềm tin của nhà đầu tư và công chúng vào hệ thống tài chính. Tuy nhiên, tại Việt Nam, khung pháp lý về KSNB hiện tại vẫn còn nhiều bất cập, đặc biệt là trong việc thiếu các chế tài rõ ràng và nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm. Hệ thống các quy định về KSNB ở Việt Nam chủ yếu mang tính chất khuyến nghị, chưa có cơ chế xử lý cụ thể và rõ ràng khi các doanh nghiệp không tuân thủ. Bộ Tài chính quy định các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống KSNB nhưng lại không đưa ra các chế tài cụ thể đối với những hành vi vi phạm. Điều này tạo ra lỗ hổng pháp lý, khiến cho các doanh nghiệp chỉ thực hiện một cách đối phó, không thực sự quan tâm đến việc duy trì và cải thiện hệ thống KSNB. Do đó, sự thiếu minh bạch trong hoạt động tài chính và rủi ro gian lận vẫn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Việt Nam cần phải xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý để quy định trách nhiệm cá

nhân một cách rõ ràng và thiết lập các chế tài đủ mạnh để xử lý những vi phạm. Việc này không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ các quy định về KSNB mà còn nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, đồng thời tạo dựng môi trường kinh doanh minh bạch và ổn định. Việc bổ sung chế tài nghiêm khắc sẽ giúp Việt Nam khắc phục được tình trạng thực hiện KSNB mang tính đối phó, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của hệ thống tài chính và TTCK.

Thứ năm, cần thiết lập cơ chế báo cáo định kì và minh bạch thông tin tài chính. Tại Việt Nam, cơ chế báo cáo định kì đối với các CTNY đã có nhưng vẫn chưa thực sự chặt chẽ và minh bạch như ở Hoa Kỳ. Theo quy định hiện hành, các CTNY chỉ phải công bố BCTC hằng năm, bao gồm thông tin về tình hình tài chính và hoạt động của công ti. Tuy nhiên, các thông tin về hệ thống KSNB và các yếu tố quan trọng khác như phân tích từ ban quản trị hoặc thông tin chi tiết về thành viên quản trị chưa được yêu cầu công khai một cách đầy đủ và chi tiết. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu minh bạch, khiến nhà đầu tư gặp khó khăn trong việc đánh giá toàn diện về hoạt động và tiềm năng của doanh nghiệp. Do đó, Việt Nam nên tham khảo mô hình của Hoa Kỳ và bổ sung quy định yêu cầu các CTNY công bố thông tin định kì về tình hình tài chính, hệ thống KSNB và phân tích từ ban quản lí. Cụ thể, các BCTC cần phải được kiểm toán độc lập và công khai, đồng thời cung cấp thông tin chi tiết hơn về hoạt động quản trị và các biện pháp KSNB của công ti. Điều này sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có

đủ dữ liệu để ra quyết định đầu tư, đồng thời tăng cường sự tin tưởng vào hệ thống tài chính và TTCK Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. AuditBoard (2024), *The Sarbanes-Oxley Act: A Comprehensive Overview*, <https://auditboard.com/blog/sarbanes-oxley-act>
2. Bùi Quang Hùng, Phạm Quang Huy (2023), “Bàn luận về thang đo tính hữu hiệu hệ thống kiểm soát nội bộ theo 17 nguyên tắc COSO 2013 trong doanh nghiệp lĩnh vực nhà hàng khách sạn”, *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, số 5.
3. Caleb Walter and Jon Sykora (2018), *COSO History, Framework Principles, and The Fault in the Implementation Foundation*, <https://www.trintech.com/blog/coso-history-framework-principles-and-the-fault-in-the-implementation-foundation>
4. Chalmers, Keryn, David Hay, and Hichem Khelif (2019), “Internal control in accounting research: A review”, *Journal of Accounting Literature*, 42(1).
5. David Block, Anne-Marie Gerstner (2016), “One-Tier vs. Two-Tier Board Structure: A Comparison Between the United States and Germany”, *Comparative Corporate Governance and Financial Regulation*.
6. De Simone, Lisa, Matthew S. Ege, and Bridget Stomberg (2015), “Internal control quality: The role of auditor-provided tax services”, *The Accounting Review*, 90(4).
7. Goh, Beng Wee, and Dan Li (2011), “Internal controls and conditional conservatism”, *The Accounting Review*, 86(3).
8. Leng, J. and Ding, Y (2011), “Internal

- Control Disclosure and Corporate Governance: Empirical Research from Chinese Listed Companies”, *Technology and Investment*, số 2.
9. María Teresa Espinosa-Jaramillo (2024), “Internal Control in Companies from the Perspective of the COSO”, *Management (Montevideo)*, 2:28.
10. Nguyễn Hữu Tuấn (2014), “Công bố thông tin kiểm soát nội bộ của các công ti niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng*, số 4(77).
11. Nguyễn Thị Nga, Lương Lan Hương, Nguyễn Hoàng Long (2022), “Hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp”, *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp*, số 9 (230).
12. Nguyễn Thị Phương Thanh, Dương Thị Thắm (2020), “Thực trạng và giải pháp kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Tài chính*, kì 2 tháng 8.
13. O’Mike Braun et al (2015), “Review Of The Contribution Of Coso In The Field Of Internal Control Management”, *Scholedge International Journal of Management & Development*, 2.
14. Patrícia Simoni Longo et al (2017), *Committee of Sponsoring Organization: potencial de auxílio ao estruturar um sistema de controle interno*, 4.
15. Rae, Kirsten, John Sands, and Nava Subramaniam (2017), “Associations among the five components within COSO internal control-integrated framework as the underpinning of quality corporate governance”, *Australasian Accounting, Business and Finance Journal*, 11(1).
16. Robert R. Moeller (2014), *Executive's Guide to COSO Internal Controls: Understanding and Implementing the New Framework*, Wiley, Hoboken, New Jersey.
17. Spira, L. F., & Page, M. (2003), “Risk management: The reinvention of internal control and the changing role of internal audit”, *Accounting, Auditing & Accountability Journal*, 16(4).
18. Trần Thị Vân (2021), “Nhận diện gian lận báo cáo tài chính của doanh nghiệp và cách khắc phục”, *Tạp chí Tài chính*, kì 1 tháng 4.
19. Trương Quang Anh (2019), “Quy chế pháp lý quản trị công ti cổ phần tại Vương quốc Anh, Cộng hoà Liên bang Đức và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 2.
20. Jan R. Heier, Michael T. Dugan, and David L. Sayers (2005), “A century of debate for internal controls and their assessment: a study of reactive evolution”, *Accounting History*, Vol. 10, No. 3.
21. Thùy Vân (2024), *Quản trị công ti cổ phần: Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam*, <https://taichinhdoanh nghiệp.net.vn/quan-tri-cong-ty-co-phan-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-doi-voi-viet-nam-d52277.html>
22. Dragana Radenković-Jocić (2006), “The board structure as a significant element of corporate governance”, *Economics and Organization*, Vol. 3, No. 2.
23. Nguyễn Thị Lan Hương (2011), “Về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát trong công ti cổ phần”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội - Luật học*, 27.